

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023 - 2024**

(Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Đã tốt nghiệp lớp 9, tuyển sinh vào trường theo quy định của Sở Giáo dục Khánh Hòa.	Hoàn thành chương trình lớp 10 theo quy định.	Hoàn thành chương trình lớp 11 theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục (dành cho lớp 12) - Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT, ngày 03/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dành cho lớp 10,11)		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	- Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình qua điện thoại, sổ liên lạc, các cuộc họp...		

	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Hoạt động của Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... - Tự giác, tự chủ, sáng tạo; tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động Đoàn, Hội; hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục trải nghiệm, giáo dục địa phương... - Hội thao, phong trào TDTT, Văn nghệ... - Sinh hoạt Câu lạc bộ sở thích, kỹ năng... - Dạy học, giáo dục trực tuyến.	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm: học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh theo quy định. - Học tập : Tất cả học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng theo quy định trở lên. - Sức khỏe: chăm sóc tốt vệ sinh, sức khỏe học đường; có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh; phòng chống tai nạn ...	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tiếp tục học lên lớp trên cùng cấp học	Tiếp tục học lên Đại học, CĐ, nghề...

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thắng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2022 – 2023
(Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục)

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1824	588	626	610
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1205 66%	401 68.2%	409 65.34%	395 64.75%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	566 31%	158 26.87%	202 32.27%	206 33.77%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	52 2.8%	29 4.93%	14 2.24%	9 1.48%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0 0%	1 0.16%	0 0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1824	588	626	610
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	253 13.8%	66 11.22%	83 13.26%	104 17.05%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	994 54.5%	281 47.79%	345 55.11%	368 60.33%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	29.8%	227 38.61%	183 29.23%	134 21.97%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	32 1.7%	14 2.38%	14 2.24%	4 0.66%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0 0%	1 0.16%	0 0%

III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1823 99.9%	588 100%	625 99.8%	610 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	248 13.5%	62 10.54%	83 13.26%	103 16.89%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	709 38.8%		342 54.63%	367 60.16%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	28 1.5%	14 2.4%	14 2.2%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	1	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	10 0.54%	3 0.51%	7 1.1%	0
	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	16 0.87%	3 0.51%	13 2.03%	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (<i>qua nghỉ hè năm trước và trong năm học</i>) (tỷ lệ so với tổng số)	14 0.76%	3 0.51%	7 1.1%	4 0.65%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	9			
1	Cấp tỉnh	9		1	8
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	610			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	609			

VII	Số học sinh thi đỗ ĐH, cao đẳng (chỉ tính NV1) (tỷ lệ so với tổng số)	551/610 (90.3%)			551/610 (90.3%)
VII I	Số học sinh nữ/tổng số học sinh	962/1824	318/588	325/626	319/610
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	17	5	8	4

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thắng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 - 2024**

(Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục)

[illegible]

III	Nhân viên	12			2	3	1	6							
1	Nhân viên văn thư							01							
2	Nhân viên kế toán				01										
3	Thủ quỹ				01										
4	Nhân viên y tế					01									
5	Nhân viên thư viện					01									
6	Nhân viên TBTH					01		01							
7	Nhân viên khác						01	04							

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]

Phạm Ngọc Thắng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023 – 2024**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục)

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	42	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	0	0
2	Phòng học bán kiên cố	42	1.04 m ² /hs
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	4	0.18 m ² /hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học		1 lớp/phòng học
8	Bình quân học sinh/lớp		44 hs/lớp
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	18.760	10.1 m ² /hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	11.250	6.1 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng	2.572	1.39 m ² /hs
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.932	1.04 m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	348	0.18 m ² /hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	0.05 m ² /hs
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	196	0.1 m ² /hs

5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, phòng truyền thống	96	0.05 m ² /hs
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	36	0.84 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 10 (3 môn Lý, Hóa, Sinh)	13	0.92 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11 (3 môn Lý, Hóa, Sinh)	12	0.92 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12 (3 môn Lý, Hóa, Sinh)	11	0.73 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định	116	2.6 bộ/lớp
2.1	Khối lớp 10 (3 môn Lý, Hóa, Sinh)	40	2.85 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 11 (3 môn Lý, Hóa, Sinh)	38	2.92 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 12 (3 môn Lý, Hóa, Sinh)	38	2.53 bộ/lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
4			
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50 bộ	37 hs/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	T.số	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	0.71
2	Cassette	14	0.32
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	0.04
4	Máy chiếu projector	04	0.08
5	Thiết bị khác...		

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		04		0.16 m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/QĐ-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thắng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về tình hình kinh phí
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 -2024**

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Số tiền
Ngân sách cấp năm 2023	16.215.660.000
Kinh phí dự án đầu tư xây dựng trường	/
Mức thu học phí: 300.000đ/ HS/ tháng (9 tháng) năm 2023-2024	4.968.000.000
Đầu tư mua sắm tài sản, thiết bị dạy học, sửa chữa TS phục vụ chuyên môn năm 2023	200.000.000
Mức chi thường xuyên cho 01 HS (1.840 hs x 0,876 triệu đ/hs/năm – đã tính giảm 10% tiết kiệm chi)	1.451.000.000
Mức chi thường xuyên cho 01 GV lương và Phụ cấp lương, khác..	135.000.000
Mức thu quỹ Hội PH: 60.000đ/ HS/ năm học 2023-2024	110.000.000
Dạy thêm: cả năm 2023(thực hiện)	700.000.000

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thắng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

Khánh Hòa, ngày tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Tạm thu các khoản đầu năm học 2023-2024

Các khoản thu quy định

- Học phí: Chờ hướng dẫn của UBND tỉnh.
- Bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm Y tế số 58/2014/QH13.

Thời gian đóng phí: đến hết ngày **14/11/2023**.

STT	Thời gian đóng	UBND tỉnh Khánh Hòa đã hỗ trợ	Mức phải đóng của học sinh	Tổng mức đóng BHYT	Thời gian hưởng
1	9 tháng (K.12)	328.050 (45%)	400.950 (55%)	729.000đ (100%)	Từ 01/01/2024 đến hết tháng 09/2024
2	12 tháng (K.10,11)	437.400 (45%)	534.600 (55%)	972.000đ (100%)	Từ 01/01/2024 đến hết tháng 12/2024

- Nước uống: 25.000đ/học sinh (Công văn hướng dẫn số 2454/HD-SGDĐT ngày 12/10/2022 của Sở GD và ĐT Khánh Hòa). Hạn nộp: 15/10/2023

- Vệ sinh: 30.000đ/học sinh (Công văn hướng dẫn số 2454/HD-SGDĐT ngày 12/10/2022 của Sở GD và ĐT Khánh Hòa). Hạn nộp: 15/10/2023

Khối 10, 11: **589.600đ/hs**

Khối 12: **456.000đ/hs**

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ
BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

Khánh Hòa, ngày tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Các khoản thu để mua hộ và xã hội hóa đầu năm học 2023-2024

1. Các khoản thu để mua hộ (hạn chót: **15/10/2023**)

- Bảo hiểm sinh mạng: 120.000đ/học sinh/năm (tự nguyện)
- Bảng tên: 16.000đ
- Hồ sơ đầu cấp (*chỉ thu K.10*): 10.000đ
- Các loại ấn phẩm, đề kiểm tra, giấy làm bài, giấy nháp...:
Khối 10,11: 35.000đ; khối 12: 40.000đ

2. Các khoản khác (*nguồn xã hội hóa, theo thỏa thuận của Ban đại diện CMHS, không thực hiện với đối tượng chính sách*) (hạn chót: **15/10/2023**)

- Quỹ BDD cha mẹ HS: thấp nhất 60.000đ, **cao nhất tùy tâm**
- Hỗ trợ cảnh quan môi trường; trồng, *chăm sóc cây xanh*, tạo môi trường sư phạm vệ sinh, an toàn: thấp nhất 90.000đ, **cao nhất tùy tâm** (có thể ủng hộ bằng hiện vật)/.

Khối 10: **331.000đ/hs**

Khối 11: **321.000đ/hs**

Khối 12: **326.000đ/hs**
